

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2020/HS-ST
Ngày: 29 - 12 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Thông

Ông Lê Văn Do

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hiền Băng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thu Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 39/2020/TLST-HS, ngày 22 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2020/HSST-QĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Đặng Đình T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1974, tại Thanh Hóa; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 3, thị trấn Đ, huyện Đ, Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đình P (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết); bị cáo có vợ tên Lê Thị Q, sinh năm 1977 (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 1995; Tiền án: 06 tiền án (gồm: 05 tiền án về tội trộm cắp, 01 tiền án về tội vận chuyển trái phép ma túy chưa được xóa án tích), tiền sự: không, cụ thể:

- Ngày 13/6/2000, bị Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Gia Lai xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 38/HS-ST. Bị cáo chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai đến tháng 04/2002 thì trở về địa phương sinh sống.

- Ngày 07/6/2002, bị TAND huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 08/HS-ST. Ngày 31/7/2002, TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 38/HS-ST. Bị cáo chấp hành án tại trại giam Gia Trung - Bộ Công an đến tháng 5/2004 thì trở về địa phương sinh sống.

- Ngày 21/10/2005, bị TAND huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và Trốn khi đang dẫn giải theo Bản án số 16/2005/HS-ST. Bị

cáo chấp hành án tại Trại giam Xuân Phước – Bộ Công an đến tháng 9/2008 thì trở về địa phương sinh sống.

- Ngày 25/12/2009, bị TAND huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 34/2009/HS-ST. Bị cáo chấp hành tại trại giam Gia Trung – Bộ Công an đến tháng 7/2011 thì trở về địa phương sinh sống.

- Ngày 23/02/2012, bị TAND thành phố P xử xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 34/2009/HS-ST.

- Ngày 31/8/2012, bị TAND tỉnh Gia Lai xử phạt 07 năm tù về tội vận chuyển trái phép chất ma túy theo Bản án số 64/2012/HS-ST. Ngày 19/11/2012, TAND cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 64. Bị cáo chấp hành tại Trại giam Gia Trung – Bộ Công an đến tháng 02/2019 thì trở về địa phương sinh sống.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/5/2020, sau đó tạm giam cho đến nay. Hiện nay bị cáo **đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai**. Có mặt.

** Bị hại:*

1. Chị Lê Thị H, sinh năm 1981. Trú tại: Thôn 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1970. Trú tại: Thôn 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1989. Trú tại: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Cầm Bá T, sinh năm 1983. Trú tại: Thôn 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1985. Trú tại: Làng D, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Chị Đặng Thị N, sinh năm 1972. Trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 24/02/2020 đến ngày 12/5/2020 Đặng Đình T và đối tượng tên S đã thực hiện 03 vụ trộm cắp như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 08 giờ ngày 24/02/2020, Đặng Đình T có gặp một nam giới xưng tên S (còn gọi là đối tượng tên S) khi uống cà phê tại khu vực chợ đêm thuộc thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trong lúc nói chuyện S rủ Toàn đi trộm cắp xe mô tô thì T đồng ý. Toàn điều khiển xe mô tô hiệu Future màu đỏ, biển số 81C1 – 125.52 của S chở S xuống huyện Đ, tỉnh Gia Lai theo đường Quốc lộ 19 tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đến bùng binh thị trấn Đ, huyện Đ thì Toàn rẽ phải đi vào hướng xã G khoảng hơn 01 km đến trước tiệm vật liệu xây dựng Quang D (thuộc thôn H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) thì T và S nhìn thấy có 03 xe mô tô dựng ở góc cây trước cửa tiệm nhưng không có người trông coi. S nói với T quay xe lại và dừng xe cách tiệm vật liệu khoảng 03 mét. S đi bộ đến dùng vạm phá khóa mở khóa nguồn

chiếc xe mô tô Wave màu trắng biển số 81B2 – 784.75 của bà Lê Thị H (Sinh năm 1981; trú tại: Thôn 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) rồi nổ máy điều khiển xe chạy ra hướng thị trấn Đ về lại thành phố P, còn T điều khiển xe mô tô 81C1 – 125.52 chạy theo sau. Khi đi đến khu vực gần Công viên Đồng Xanh thuộc thành phố P, tỉnh Gia Lai thì S dùng xe đưa cho Toàn 2.000.000 đồng và nói “Anh cầm lấy mà tiêu”. T nhận tiền rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô 81C1 – 125.52 theo sau S đến bãi giữ xe của Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai. Toàn điều khiển xe của S vào gửi tại đây rồi đưa thẻ xe cho Svà bắt xe khách về lại huyện Đ, còn S điều khiển xe mô tô trộm cắp đi đâu không rõ. Theo Kết luận định giá số 30 ngày 20/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe mô tô Wave màu trắng biển số 81B2 – 784.75 trị giá là 16.200.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 08 giờ ngày 07/5/2020, S gọi điện thoại rủ T đi trộm cắp, T đồng ý. Theo hẹn trước, T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter màu đỏ, biển số 48C1 – 074.04 đến ngã ba đường Trương T - Trường S, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai chờ Sanh đi xuống địa bàn huyện Đ, tỉnh Gia Lai tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đi đến Trung tâm thương mại huyện Đ thì S đi bộ vào chợ còn T điều khiển xe theo sau. S nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen, biển số 81B2 – 512.33 của bà Nguyễn Thị B (Sinh năm 1970; trú tại: Thôn 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) không có người trông coi nên tiếp cận xe và dùng vạm phá khóa nguồn của xe rồi nổ máy điều khiển đi về thành phố P; T điều khiển xe 48C1 – 074.04 chạy theo sau. Khi đến khu vực gần Công viên Đồng Xanh thuộc thành phố P, tỉnh Gia Lai thì S dùng xe đưa cho T 2.000.000 đồng. Sau đó, T đi về phòng trọ của bạn gái là Nguyễn Thị Xuân H tại đường Trường C, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai, còn S điều khiển xe trộm cắp đi đâu không rõ. Theo Kết luận định giá số 66 ngày 28/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen, biển số 81B2 – 512.33 trị giá là 12.600.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 06 giờ ngày 12/5/2020, Sanh tiếp tục gọi điện thoại rủ T đi trộm cắp, T đồng ý và điều khiển xe 48C1 – 074.04 chở S xuống khu vực xã Nam Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Khi đến trước chợ xã Nam Yg, huyện Đ, tỉnh Gia Lai thì Sanh thấy xe mô tô hiệu Honda Wave màu trắng biển số 81B2 – 772.00 của chị Nguyễn Thị Như T (Sinh năm 1989; trú tại: Thôn 3, xã Nam Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) để bên lề đường cùng một số xe mô tô khác, không có người trông coi trên nói T dùng xe đứng chờ. S đi đến chiếc xe mô tô nói trên dùng vạm phá khóa nguồn rồi điều khiển xe đi về hướng thị trấn Đ. Khi đi đến lô cao su trên tuyến đường xã Nam Y đi thị trấn Đ, S dùng xe đưa cho T 2.000.000 đồng, 01 bộ vạm phá khóa, 01 mũ bảo hiểm của S nhờ T cất giữ. T lấy tiền rồi điều khiển xe 48C1 – 074.04 về phòng trọ của Nguyễn Thị Xuân H, còn Sanh đi đâu không rõ. Theo Kết luận định giá số 61 ngày 25/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave màu trắng biển số 81B2 – 772.00 trị giá là 16.000.000 đồng.

*** Về vật chứng:**

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã thu giữ:

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, biển số 48C1 – 074.04, số khung: RLCJ1PB20DY006501, số máy: 1PB2006501; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 006576 của xe mô tô biển số 48C1 – 074.04 mang tên Phạm Hoàng H, sinh

năm 1988, trú tại Bon U, Ea T, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Qua xác minh, xác định chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô là chị Nguyễn Thị Xuân H. Đặng Đình T đã mượn chiếc xe của chị H để thực hiện hành vi trộm cắp trong 02 ngày 07 và 12/5/2020. Tuy nhiên, chị H không biết việc T sử dụng chiếc xe để thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 bộ vạm phá khóa bằng kim loại gồm 01 thanh lục giác được mài dẹt một đầu, dài 7,5cm và một khóa chữ L dùng để nối đầu lục giác trên dài 20cm, hai đầu khóa chữ L có ghi dòng chữ “CHROME VANADIUM 8mm”; 01 mũ bảo hiểm loại ½, kích thước (21x24x12) cm, màu bạc dán chữ “Asia helmet safety” và chữ “Asia Helmetac” màu đỏ; chữ “Asia helmet safety” ở mặt phía sau của mũ. Đây là các vật chứng mà S đã dùng trong 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp.

- 01 mũ bảo hiểm loại ½, kích thước (20x24x13) cm, màu bạc, có in chữ “luxury luxury” ở mặt sau mũ; 01 cái áo khoác màu đen loại áo khoác nam có thêu hình con báo màu trắng ở vị trí lưng áo và vị trí bên ngực trái áo; 01 áo khoác nam màu nâu, size XL; 01 cái quần Jean màu xanh; 01 đôi giày giả da của nam màu đen; 01 đôi tất nam màu xanh. Đây là các vật chứng mà Đặng Đình T đã dùng khi thực hiện hành vi trộm cắp.

*** Về dân sự:**

- Bị cáo Đặng Đình T đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Cụ thể, bà Đặng Thị N là chị ruột của Đặng Đình T đã bồi thường cho bà Lê Thị H số tiền 8.100.000 đồng; bà Nguyễn Thị B số tiền 6.300.000 đồng; bà Nguyễn Thị Như T số tiền 8.000.000 đồng. Các bị hại đã nhận bồi thường và đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị can T. Ngoài ra các bị hại yêu cầu Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ đối tượng còn lại và yêu cầu đối tượng còn lại bồi thường số tiền 22.400.000 đồng (Bà Lê Thị H số tiền 8.100.000 đồng; bà Nguyễn Thị B số tiền 6.300.000 đồng; bà Nguyễn Thị Như T số tiền 8.000.000 đồng).

- Đối với số tiền đã đứng ra bồi thường cho các bị hại, bà Đặng Thị N không yêu cầu Đặng Đình T trả lại số tiền trên.

Tại Cáo trạng số: 37/CT-VKS ngày 22/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo **Đặng Đình T** về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên nội dung đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về tội danh, điều luật, hình phạt:

+ Tuyên bố bị cáo **Đặng Đình T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Đặng Đình T** từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 22/5/2020).

+ Không xử phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng:

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị Xuân H: 01 xe mô tô biển số 48C1 - 074.04, nhãn hiệu Yamaha, loại xe JUMPITER, màu sơn đỏ - đen, dung tích xi lanh 113, số máy

1PB2006501, số khung RLCJ1PB20DY006501); 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy (cấp ngày 23/6/2016) biển số 48C1 – 074.04 mang tên Phạm Hoàng H.

+ Tịch thu và tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm loại $\frac{1}{2}$, kích thước (20x24x13) cm, màu bạc, có in chữ “Luxury” ở mặt sau mũ; 01 cái áo khoác nam đã cũ, màu đen, có thêu hình con báo màu trắng ở vị trí lưng áo và vị trí bên ngực trái áo; 01 áo khoác nam đã cũ, màu nâu, size XL; 01 cái quần Jean màu xanh, đã cũ; 01 đôi giày nam, giả da màu đen đã cũ; 01 đôi tất nam màu xanh đã qua sử dụng.

+ Tiếp tục tạm giữ: 01 bộ vạm phá khóa bằng kim loại gồm 01 thanh lục giác được mài dẹt một đầu, dài 7,5cm và một khóa chữ L dùng để nối đầu lục giác trên dài 20cm, hai đầu khóa chữ L có ghi dòng chữ “CHROME VANADIUM 8mm”; 01 mũ bảo hiểm loại $\frac{1}{2}$, kích thước (21x24x12) cm, màu bạc dán chữ “Asia helmet safety” và chữ “Asia Helmetac” màu đỏ. Khi nào bắt được đối tượng Sanh để điều tra, xét xử thì sẽ xử lý trong một vụ án khác.

- Về dân sự:

+ Do chưa xác định được đối tượng tên S để điều tra, xét xử, do đó ngoài số tiền bị cáo Đặng Đình T đã bồi thường cho các bị hại thì còn phải có nghĩa vụ bồi thường 1/2 trị giá tài sản đã được định giá cho các bị hại đã yêu cầu, tổng cộng là 22.400.000 đồng, cụ thể: Bồi thường cho bà Lê Thị H số tiền 8.100.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bông số tiền 6.300.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị Như T số tiền 8.000.000 đồng. Khi nào xác định được đối tượng tên S để điều tra, xét xử thì bị cáo T có quyền yêu cầu đối tượng Sanh trả lại số tiền đã bồi thường cho các bị hại nêu trên trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

+ Đối với số tiền bà Đặng Thị N đã đứng ra bồi thường cho các bị hại, bà Đặng Thị N không yêu cầu Đặng Đình T trả lại số tiền trên nên không xét xét.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với hành vi, tội danh, điểm, khoản, Điều luật đã truy tố, không có khiếu nại, không có ý kiến phản đối gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập và chứng cứ, tài liệu của bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều phù hợp với quy định của pháp luật. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận:

Từ ngày 24/02/2020 đến ngày 12/5/2020 Đặng Đình T đã 03 lần thực hiện hành vi phạm trộm cắp tài sản của người khác trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Cụ thể vào ngày 24/02/2020 trộm cắp xe mô tô biển số **81B2 - 784.75**, trị giá là 16.200.000 đồng của bà Lê Thị H; ngày 07/5/2020 trộm cắp xe mô tô biển số 81B2 – 512.33, trị giá là 12.600.000 đồng của bà Nguyễn Thị B và ngày 12/5/2020 trộm cắp

xe mô tô biển số 81B2 – 772.00, trị giá là 16.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Như T. Tổng trị giá tài sản bị trộm cắp là 44.800.000 đồng.

[3] Xét thấy, lời khai của bị cáo Đặng Đình T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Đặng Đình T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác 03 lần với tổng trị giá là 44.800.000 đồng. Hành vi này của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, xâm phạm trật tự trị an xã hội nên đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo Đặng Đình T có 05 tiền án về tội trộm cắp, 01 tiền án về tội vận chuyển trái phép ma túy chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nêu trên nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ sức khỏe để lao động kiếm sống nuôi bản thân, nhưng do lười lao động mà bất chấp pháp luật để phạm tội nêu trên, do bị cáo 03 lần trộm cắp tài sản và các lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên đây tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo bị cáo có nhân thân xấu (có 05 tiền án về tội trộm cắp, 01 tiền án về tội vận chuyển trái phép ma túy chưa được xóa án tích) nên cần có một mức án thật nghiêm khắc bằng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm mục đích giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung tại địa phương. Tuy nhiên, nhận thấy: Sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại; được các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử quyết định không xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[4] Đối với đối tượng S là đồng phạm cùng với Toàn thực hiện hành vi phạm tội, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thị Xuân H người cho Đặng Đình T mượn xe mô tô biển số 48C1 - 074.04 để thực hiện hành vi trộm cắp. Tuy nhiên, khi cho mượn xe mô tô H không biết đây là Đặng Đình T mượn xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ không xử lý hình sự đối với H là có cơ sở.

[5] Về vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, biển số 48C1 – 074.04, số khung: RLCJ1PB20DY006501, số máy: 1PB2006501; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 006576 của xe mô tô biển số 48C1 – 074.04 mang tên Phạm Hoàng H. Qua xác minh, xác định chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô là chị Nguyễn Thị Xuân H. Đặng Đình T đã mượn chiếc xe của chị H để thực hiện hành vi trộm cắp trong 02 ngày 07 và 12/5/2020. Tuy nhiên, chị Hương không biết việc T sử dụng chiếc xe để

thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại chiếc xe mô tô và các giấy tờ xe nêu trên cho chị Nguyễn Thị Xuân H.

- Đối với 01 bộ vạm phá khóa bằng kim loại gồm 01 thanh lục giác được mài dẹt một đầu, dài 7,5cm và một khóa chữ L dùng để nối đầu lục giác trên dài 20cm, hai đầu khóa chữ L có ghi dòng chữ “CHROME VANADIUM 8mm”; 01 mũ bảo hiểm loại ½, kích thước (21x24x12) cm, màu bạc dán chữ “Asia helmet safety” và chữ “Asia Helmetac” màu đỏ; chữ “Asia helmet safety” ở mặt phía sau của mũ. Đây là các vật chứng mà T khai của đối tượng tên S dùng trong 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp. Do hiện nay chưa bắt được đối tượng Sanh để điều tra, do đó các vật chứng trên tiếp tục tạm giữ khi nào bắt được đối tượng S để điều tra, xét xử thì sẽ xử lý trong một vụ án khác.

- 01 mũ bảo hiểm loại ½, kích thước (20x24x13) cm, màu bạc, có in chữ “Luxury” ở mặt sau mũ; 01 cái áo khoác màu đen loại áo khoác nam có thêu hình con báo màu trắng ở vị trí lưng áo và vị trí bên ngực trái áo; 01 áo khoác nam màu nâu, size XL; 01 cái quần Jean màu xanh; 01 đôi giày giả da của nam màu đen; 01 đôi tất nam màu xanh. Đây là các vật chứng mà Đặng Đình T đã dùng khi thực hiện hành vi trộm cắp và T không yêu cầu trả lại, do các vật dụng trên không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

[6] Về dân sự:

- Bị cáo Đặng Đình T đã tác động chị gái là bà Đặng Thị N bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là 22.400.000 đồng (bà Lê Thị H số tiền 8.100.000 đồng, bà Nguyễn Thị B số tiền 6.300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Như T số tiền 8.000.000 đồng). Các bị hại tiếp tục yêu cầu bị cáo và đối tượng tên S bồi thường tiếp số tiền tổng cộng là 22.400.000 đồng (cụ thể: Bà Lê Thị H yêu cầu bồi thường số tiền 8.100.000 đồng, bà Nguyễn Thị B yêu cầu bồi thường số tiền 6.300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Như T yêu cầu bồi thường số tiền 8.000.000 đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy: Do chưa xác định được đối tượng tên S để điều tra, xét xử, do đó ngoài số tiền bị cáo Đặng Đình T đã bồi thường cho các bị hại thì còn phải có nghĩa vụ bồi thường 1/2 trị giá tài sản đã được định giá cho các bị hại đã yêu cầu, tổng cộng là 22.400.000 đồng, cụ thể: Bồi thường cho bà Lê Thị H số tiền 8.100.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị B số tiền 6.300.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị Như T số tiền 8.000.000 đồng. Khi nào xác định được đối tượng tên Sanh để điều tra, xét xử thì bị cáo Toàn có quyền yêu cầu đối tượng Sanh trả lại số tiền đã bồi thường cho các bị hại nêu trên trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền bà Đặng Thị N đã đứng ra bồi thường cho các bị hại, bà Đặng Thị N không yêu cầu Đặng Đình T trả lại số tiền trên nên không xét xét.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí bồi thường dân sự theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những nội dung mà Hội đồng xét xử đã phân tích, xem xét nêu trên nên nhận thấy những nội dung mà Viện kiểm sát truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật được áp dụng:
- Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 47 của Bộ luật hình sự;
- Căn cứ Điều 135; Điều 136; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;
- **Căn cứ Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587 của Bộ luật dân sự;**
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

2. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Đặng Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đặng Đình T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (**ngày 22/5/2020**).

4. Về vật chứng:

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Xuân H: 01 xe mô tô biển số 48C1 - 074.04, nhãn hiệu Yamaha, loại xe JUMPITER, màu sơn đỏ - đen, dung tích xi lanh 113, số máy 1PB2006501, số khung RLCJ1PB20DY006501); 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy (cấp ngày 23/6/2016) biển số 48C1 – 074.04 mang tên Phạm Hoàng H.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm loại ½, kích thước (20x24x13) cm, màu bạc, có in chữ “Luxury” ở mặt sau mũ; 01 cái áo khoác nam đã cũ, màu đen, có thêu hình con báo màu trắng ở vị trí lưng áo và vị trí bên ngực trái áo; 01 áo khoác nam đã cũ, màu nâu, size XL; 01 cái quần Jean màu xanh, đã cũ; 01 đôi giày nam, giả da màu đen đã cũ; 01 đôi tất nam màu xanh đã qua sử dụng.

- Tiếp tục tạm giữ: 01 bộ vạm phá khóa bằng kim loại gồm 01 thanh lục giác được mài dẹt một đầu, dài 7,5cm và một khóa chữ L dùng để nối đầu lục giác trên dài 20cm, hai đầu khóa chữ L có ghi dòng chữ “CHROME VANADIUM 8mm”; 01 mũ bảo hiểm loại ½, kích thước (21x24x12) cm, màu bạc dán chữ “Asia helmet safety” và chữ “Asia Helmetac” màu đỏ. **Khi nào bắt được đối tượng Sanh để điều tra, xét xử thì sẽ xử lý trong một vụ án khác.**

(Tất cả vật chứng nêu trên theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ **ngày 30/10/2020**).

5. Về dân sự:

Buộc bị cáo Đặng Đình T **tiếp tục** bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 22.400.000 đồng, cụ thể: Bồi thường cho bà Lê Thị H số tiền 8.100.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị B số tiền 6.300.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị Như T số tiền 8.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

Buộc bị cáo Đặng Đình T chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.120.000 đồng án phí bồi thường dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; bị hại; nlq;
- Lưu: Hồ sơ, cq.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đoàn Xuân Hòa